

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:47/2024/HNGĐ - ST

Ngày 20/8/2024.

(V/v:ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Khắc Thái, ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa bà Nguyễn Thu Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2024/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Vi Thị V, sinh năm 1987, tên gọi khác: không.

Trú tại: xóm 4, xã L, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Trương Văn T, sinh năm 1990, tên gọi khác: Không.

Trú tại: xóm 4, xã L, huyện N, tỉnh N.

Anh T hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại giam N- Cục C10 - Bộ Công an.

Chị V và anh T đều vắng mặt, đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị V trình bày: tôi và anh Trương Văn T kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2019 tại UBND xã L, huyện N, trước khi kết hôn chúng tôi có tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, không do ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống ở xóm 4, xã L, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Đến đầu năm 2023 do mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng nên vợ

chồng tôi đã sống ly thân, sau đó tháng 2/2023, anh T đã bị bắt giam và bị kết án phạt tù 16 năm, hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2, Trại giam N- Cục C10 - Bộ Công an. Từ đó vợ chồng tôi hoàn toàn không còn quan tâm đến nhau nữa. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Trương Văn T. Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là cháu Trương Trung K, sinh ngày 23/11/2019, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Trương Trung K ở với tôi. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Trung K, không yêu cầu anh Trương Văn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2024, anh Trương Văn T trình bày: tôi và chị Vi Thị V sau một thời gian tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện chúng tôi đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2019 tại trụ sở UBND xã L, huyện N. Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi chung sống tại xóm 4, xã L, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi thấy chị V sống rất nhạt nhẽo, vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Đến ngày 08/02/2023 tôi bị bắt vì có hành vi giao cấu với con riêng của chị V, từ đó đến nay tình cảm của vợ chồng tôi phai nhạt, đổ vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên nghiêm trọng. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nhưng tôi không đồng ý ly hôn với chị Vi Thị V vì giữa chúng tôi còn có nhiều khúc mắc cần giải quyết. Về con chung: tôi và chị Vi Thị V có 01 con chung, cháu tên là Trương Trung K, sinh ngày 23/11/2019, kể từ khi tôi bị bắt cho đến nay, cháu Trương Trung K ở với mẹ. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho cháu Trương Trung K theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi có tài sản chung và công nợ chung nhưng tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ này. Đồng thời anh T có ý kiến đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án, từ chối hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: các Điều 5, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Vi Thị V được ly hôn với anh Trương Văn T. Về con chung: giao cháu Trương Trung K, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Vi Thị V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trương Trung K đủ 18 tuổi, anh Trương Văn T

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Về án phí: chị Vi Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Trương Văn T có địa chỉ tại xóm 4, xã L, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cùng vắng mặt nhưng đều có đề nghị xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Vi Thị V và anh Trương Văn T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người sinh sống tại xóm 4, xã L, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của các bên đương sự là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, và do anh T có hành vi xâm phạm tình dục đối với con riêng của chị V và đã bị bắt từ ngày 08/02/2023 kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bản thân chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn và K quyết đề nghị xin ly hôn anh T. Bản thân anh T cũng thừa nhận tình cảm của vợ chồng phai nhạt, đổ vỡ, mâu thuẫn đã trở nên nghiêm trọng. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại đề nghị từ chối hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí thực sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vi Thị V và anh Trương Văn T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị V, xử cho chị Vi Thị V được ly hôn với anh Trương Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Vi Thị V và anh Trương Văn T có 01 con chung là cháu Trương Trung K, sinh ngày 23/11/2019, kể từ khi anh T bị bắt cho đến nay, cháu Trương Trung K ở với mẹ. Xét thấy hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam N– Cục C10 – Bộ Công an, không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Vì

vậy, để ổn định cuộc sống và học tập cho cháu K, cần giao cháu Trương Trung K cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị V không có yêu cầu nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị V và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Vi Thị V phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Vi Thị V được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Trương Trung K, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Vi Thị V tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trương Trung K đủ 18 tuổi. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Vi Thị V.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Vi Thị V phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vi Thị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001299, ngày 25/6/2024.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Hữu Quốc**